|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /BC-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2023* |

DỰ THẢO

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị định của Chính phủ về Cơ chế thí điểm phát triển kinh tế tuần hoàn**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

***1. Bối cảnh xây dựng chính sách***

Trong những năm qua, các quốc gia trên thế giới đang quan tâm hơn đến với mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH). Trong bối cảnh dịch COVID-19 từ năm 2020, các quốc gia cũng nhìn nhận nghiêm túc hơn yêu cầu phát triển bền vững, tăng cường mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế và sức chống chịu của chuỗi cung ứng; theo đó, KTTH được nhìn nhận là một hướng đi quan trọng. Hợp tác quốc tế cũng gia tăng, cả về phát triển bền vững, các nội dung liên quan đến chính sách công nghiệp nói chung và chính sách phát triển ngành gắn với tư duy kinh tế tuần hoàn. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã đề ra Khung khổ về Kinh tế tuần hoàn vào tháng 10 năm 2021.

Một số bài học có thể rút ra từ kinh nghiệm quốc tế về phát triển KTTH. *Thứ nhất,* quyết tâm và tư duy mở hướng mạnh mẽ tới khía cạnh “kinh tế” trong KTTH có ý nghĩa quan trọng, từ đó, mới có cách tiếp cận nền KTTH một cách tổng thể nhất, trên bình diện quốc gia, với một hệ thống khung khổ pháp lý hoàn chỉnh để đạt được một hệ thống chính sách hoàn thiện. Việc phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là cần thiết, song sẽ khó có thể phụ thuộc hoàn toàn vào sự chủ động của riêng doanh nghiệp. Tư duy về tối ưu quan hệ đầu vào-đầu ra giữa các phân ngành công nghiệp cũng rất quan trọng, để bảo đảm phát triển KTTH vừa kích thích sự phát triển khoa học – công nghệ, đồng thời tạo cầu cho các mặt hàng quan trọng có thể tái chế được. *Thứ hai*, những thách thức và cơ hội liên quan đến việc chuyển đổi sang KTTH sẽ khác nhau tùy theo sự khác biệt trong giai đoạn phát triển, tài nguyên và thể chế chính trị của mỗi quốc gia. Phát triển KTTH không thực hiện đồng nhất cho cả nền kinh tế, mà cần có những lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm. Dù những lĩnh vực này có sự khác biệt giữa các quốc gia, một yêu cầu chung là phải phát triển các khuôn khổ quản trị mạnh mẽ để giảm thiểu các rủi ro về sức khỏe và môi trường do quản lý kém đối với các hoạt động sản xuất và quản lý chất thải. *Thứ ba*, trong các nền kinh tế sử dụng nhiều tài nguyên, việc chuyển đổi theo hướng KTTH có thể mang lại nhiều cơ hội theo đuổi đa dạng hóa kinh tế và tiếp cận các thị trường có giá trị cao hơn. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, việc tiếp tục phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên sẽ đặt ra những thách thức đáng kể đối với tăng trưởng kinh tế. *Thứ tư,* hợp tác quốc tế có vai trò rất quan trọng. Phát triển KTTH không gắn với tư duy đóng kín nền kinh tế, thay vào đó, càng đòi hỏi phải thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm và khó khăn một cách cởi mở nhất, để từ đó cùng hành động, tiếp cận khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và các nguồn lực cần thiết để phát triển KTTH. *Thứ năm,* việc hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án KTTH là rất cần thiết. Khảo sát của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kinh nghiệm của Đức và Hà Lan vào tháng 10 năm 2022 - với sự hỗ trợ của cơ quan Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) - đã cho thấy yêu cầu quan trọng về hỗ trợ doanh nghiệp.

Dù đạt được nhiều thành tựu về phát triển kinh tế-xã hội, Việt Nam đang phải đối mặt với không ít thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Những thách thức này trở nên phức tạp hơn khi mà Việt Nam đang tiếp tục quá trình gia tăng dân số và đô thị hóa, quá trình công nghiệp hóa song còn chậm chuyển đổi từ cách tiếp cận kinh tế tuyến tính truyền thống kéo theo hệ lụy ngày càng nghiêm trọng đối với nguồn cung tài nguyên (bao gồm đất đai), lượng chất thải lớn, an ninh môi trường và an ninh nguồn nước.

Việt Nam đã có mô hình KTTH từ nhiều thập niên trước, điển hình gắn với cách tổ chức vườn-ao-chuồng (VAC), vườn-ao-chuồng-rừng (VACR)… Tuy nhiên, các mô hình này đều có quy mô tương đối nhỏ, chưa nhấn mạnh các yêu cầu ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo giá trị gia tăng và tăng năng suất, tư duy liên kết giữa các ngành và hoạt động một cách đủ tinh vi. Một số hạn chế, bất cập trong phát triển KTTH ở Việt Nam bao gồm: (i) khung khổ thể chế cho phát triển KTTH chưa hoàn thiện; (ii) nhận thức về KTTH và sự cần thiết chuyển đổi sang phát triển mô hình KTTH còn hạn chế; (iii) nguồn nhân lực sẵn sàng cho quá trình chuyển đổi sang phát triển KTTH còn yếu; (iv) phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), rất hạn chế về năng lực công nghệ tái chế, tái sử dụng, chưa nói đến năng lực đóng góp vào phục hồi các nguồn tài nguyên; và (v) cách thức tiến hành, chuyển đổi từ nền kinh tế truyền thống (“nền kinh tế nâu” và “kinh tế tuyến tính”) sang xây dựng mô hình KTTH (và rộng hơn là “kinh tế xanh”) qua đó đóng góp vào đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn thiếu định hướng đủ cụ thể, kịp thời, thiếu hệ thống tiêu chí đủ chi tiết và cơ chế ưu đãi phù hợp.

Nhận thức được tính cấp thiết của việc cần phải thúc đẩy phát triển KTTH ở Việt Nam, ngay từ năm 2020, Việt Nam đã chủ động nghiên cứu, xác định chủ trương, tư duy, định hướng và các nhiệm vụ phát triển KTTH. Nhiều hoạt động nghiên cứu cơ bản, và tham vấn các chuyên gia, nhà đầu tư về KTTH đã được thực hiện. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường đã quy định các nội dung cụ thể về kinh tế tuần hoàn, trong đó có nhiệm vụ về xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về kinh tế tuần hoàn, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2023. Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Đề án *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam* được xây dựng ở một thời điểm rất quan trọng. Việt Nam phải cân nhắc những định hướng, yêu cầu chính sách nhằm bảo đảm phát triển bền vững hơn. Cam kết đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050 chính là một nền tảng bước đầu. Việt Nam cũng phải xử lý thách thức về gián đoạn chuỗi cung ứng bằng cách thích ứng theo hướng tăng cường mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế, trong đó có việc sử dụng các nguyên liệu, đầu vào hiệu quả hơn. Yêu cầu thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội sau những khó khăn nghiêm trọng của nền kinh tế trong các năm 2020-2021 cũng đòi hỏi phải chủ động thúc đẩy các mô hình kinh tế mới nhằm tạo thêm không gian phát triển cho doanh nghiệp. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ về “*Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường*”.

Trên cơ sở tham mưu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Quyết định số 687/QĐ-TTg đã khẳng định chủ động phát triển KTTH là tất yếu, phù hợp với xu hướng, yêu cầu tạo đột phá trong phục hồi kinh tế và thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chủ động thích ứng, chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, hiện thực hóa Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, phát triển KTTH phải dựa trên cách tiếp cận mở, hướng nhiều hơn đến tạo dựng không gian và thuận lợi cho phát huy hiệu quả kinh tế, trên cơ sở tăng cường hợp tác quốc tế, bảo đảm huy động và sử dụng hiệu quả tri thức nhân loại, các thành tựu của Cách mạng Công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, các nguồn lực cần thiết từ khu vực kinh tế tư nhân, các tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài. Phát triển KTTH cũng đòi hỏi phải có các chính sách dài hạn nhằm khuyến khích, ưu đãi, tạo thuận lợi cho phát triển KTTH, gắn với lộ trình, kết quả cụ thể, đồng thời hoàn thiện cơ sở pháp lý vững chắc và tạo dựng sự linh hoạt, chủ động nhằm ***sớm*** phát huy mô hình KTTH theo cấp độ phù hợp ở các ngành, lĩnh vực, địa phương; tránh áp dụng rập khuôn, đồng nhất KTTH cho toàn bộ nền kinh tế.

Quyết định số 687/QĐ-TTg cũng đề ra các nhiệm vụ giải pháp cụ thể, có tính “dài hơi” mà các bộ, ngành cần phải thực hiện đồng bộ, trong đó có: (i) Rà soát, hoàn thiện khung chính sách và pháp lý nhằm tạo điều kiện cho phát triển KTTH; (ii) Tăng cường đối thoại công – tư về phát triển KTTH, trên cơ sở phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; (iii) Có cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng đầu tư, phát triển nguồn nhân lực trong phát triển KTTH; (iv) Hài hòa hóa các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ mô hình KTTH; Trao đổi, phối hợp với các đối tác nhằm tạo thuận lợi thương mại, công nhận lẫn nhau cho các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ từ mô hình KTTH.

Tuy nhiên, để tạo dựng “sức sống” cho các chính sách phát triển KTTH thì cách tiếp cận tuần tự, truyền thống là không đủ. Bối cảnh phục hồi kinh tế cần có thêm động lực từ chính nỗ lực thúc đẩy “phục hồi xanh”. Theo đó, một nhiệm vụ quan trọng để sớm cụ thể hóa các định hướng này là xây dựng Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển KTTH. Nhiệm vụ này được giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, trình Chính phủ vào quý II/2023.

***2. Mục tiêu xây dựng chính sách***

a. Mục tiêu tổng thể

Nghị định quy định cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn, để thúc đẩy, khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp sớm thử nghiệm các ý tưởng, sáng kiến kinh tế tuần hoàn, đồng thời đóng góp vào quá trình chuyển đổi xanh, phục hồi xanh ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, việc tổng kết thi hành Nghị định sẽ tạo điều kiện, căn cứ thực tiễn cho việc hoàn thiện khung khổ pháp lý cho kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

b. Mục tiêu cụ thể

- Tạo đột phá về tư duy chính sách hướng tới mở rộng không gian kinh tế thông qua mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Tạo cơ chế thử nghiệm với các ưu đãi chính sách phù hợp nhằm khuyến khích doanh nghiệp sớm đầu tư vào các dự án kinh tế tuần hoàn trong một số lĩnh vực (nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; năng lượng; vật liệu xây dựng) có nhiều tiềm năng và có thể tạo động lực cho sớm phục hồi kinh tế và hiện thực hóa tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

- Phân nhiệm vụ và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện sớm các nhiệm vụ nhằm tạo môi trường thử nghiệm cho phát triển kinh tế tuần hoàn.

- Góp phần cải thiện mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh mới, gắn với bảo vệ môi trường, giữ vững quốc phòng, an ninh.

***3. Lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm***

Các lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm:

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản;

- Công nghiệp;

- Năng lượng;

- Vật liệu xây dựng.

Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được lựa chọn là do đây là một ngành quan trọng chưa có sự đột phá về tăng năng suất lao động, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ gắn với phát triển bền vững, giảm phát thải ra môi trường. Điều này là một nguyên nhân dẫn tới tình trạng tăng trưởng của ngành này chưa được cải thiện một cách đáng kể trong nhiều năm qua (trung bình đạt 2,98%/năm trong giai đoạn 2016-2021, 3,36% năm 2022 và 2,43% trong quý I/2023). Các chính sách về thúc đẩy liên kết nội ngành, và giữa ngành này với các khu vực khác (công nghiệp, dịch vụ) đã được thực hiện trong nhiều năm qua và, dù đã có đóng góp trong việc cải thiện liên kết giữa các doanh nghiệp, song chưa tạo được tác động lan tỏa về năng suất, chất lượng, chuyển giao khoa học-công nghệ, các tiêu chuẩn, quy chuẩn gắn với sản xuất bền vững. Nếu tạo được đột phá mới thông qua ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, Việt Nam có thể đạt tăng trưởng cao hơn trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, đạt giá trị cao hơn trong xuất khẩu, cải thiện năng suất và thu nhập cho người lao động (đặc biệt là lao động nữ), và đóng góp hiệu quả vào giảm phát thải (thậm chí có thể bán tín chỉ các-bon), an ninh lương thực ở khu vực và thế giới.

Lĩnh vực công nghiệp được lựa chọn do cách tổ chức sản xuất duy trì nhiều năm trước đây chưa tạo ra được đột phá về liên kết nội ngành, và liên kết với nông, lâm nghiệp và thủy sản, và dịch vụ. Tăng trưởng của khu vực công nghiệp chỉ đạt 7,78% vào năm 2022, và đạt -0,82% vào quý I/2023. Bản thân liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, dù có nhiều cải thiện, vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp gắn với khả năng cải thiện mức độ độc lập, tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập và khai thác các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Phát triển các dự án, mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực công nghiệp sẽ là tác nhân quan trọng để doanh nghiệp thay đổi đáng kể về mô hình sản xuất, tư duy liên kết và thích ứng với các yêu cầu của thị trường xuất khẩu.

Lĩnh vực năng lượng được lựa chọn do đây các vấn đề về an ninh năng lượng, giảm phát thải trong quá trình sản xuất và tiêu dùng năng lượng, tư duy phát triển xanh một cách nhất quán (ví dụ như ô tô điện chỉ đạt hiệu quả giảm phát thải tốt nhất nếu nguồn điện được sản xuất cũng “sạch”). Bản thân các nhà đầu tư nước ngoài cũng rất quan tâm đến lĩnh vực năng lượng gắn với phát triển bền vững ở Việt Nam.

Lĩnh vực vật liệu xây dựng được lựa chọn nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển bền vững của ngành. Cần lưu ý, Việt Nam vẫn đang có nhu cầu xây dựng hạ tầng và các công trình dân dụng tương đối lớn. Vì vậy, bảo đảm đủ nguồn cung vật liệu xây dựng một cách bền vững và theo cách tiếp cận cung ứng bền vững sẽ giúp đáp ứng yêu cầu phát triển hạ tầng đúng thời hạn và đúng chất lượng, đồng thời tạo đột phá cho cải thiện giá trị gia tăng của ngành. Thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực vật liệu xây dựng cũng là cơ hội để Việt Nam tiếp thu các công nghệ mới, hiện đại nhằm tái chế vật liệu xây dựng ở các nước có trình độ tiên tiến hơn.

Tuy nhiên, cách hiểu và tư duy quản lý đối với các lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm không nên và không thể chỉ dựa vào tư duy quản lý ngành truyền thống. Nguyên nhân là do các mô hình kinh tế tuần hoàn mới, hiện đại có thể có sự gắn kết của nhiều hoạt động kinh tế thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Chẳng hạn, dự án kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp có thể bao gồm các cấu phần về năng lượng sinh khối, dịch vụ chế biến nông sản,…

Trong quá trình tham vấn, một số ý kiến cho rằng nên bổ sung, mở rộng các ngành thực hiện thí điểm theo nguyên tắc thống nhất với danh sách các ngành thực hiện thí điểm quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020. Một số ý kiến khác cho rằng các ngành được đưa vào dự thảo Nghị định là quá rộng. Theo Ban soạn thảo, các ngành được đề xuất trong dự thảo Nghị định về cơ chế thí điểm phát triển kinh tế tuần hoàn tạo không gian đủ rộng cho doanh nghiệp, nhà đầu tư đề xuất phát triển các dự án kinh tế tuần hoàn có gắn với liên kết đầu vào-đầu ra giữa các ngành, ứng dụng đổi mới sáng tạo và khoa học-công nghệ, tăng lợi nhuận, giá trị gia tăng và năng suất. Các ngành này cũng cần động lực lớn từ mô hình kinh tế tuần hoàn để nhanh chóng thực hiện cơ cấu lại và phục hồi tăng trưởng một cách hiệu quả trong thời gian tới.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

***1. Chính sách 1: Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế - Ưu đãi đầu tư***

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, quy định pháp luật chưa cho phép các hoạt động nông nghiệp được thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Điều này ảnh hưởng đến khả năng thực hiện các dự án kinh tế tuần hoàn bởi các dự án này có cả các cấu phần công nghiệp (chế biến nông sản) nhưng không thể tổ chức cả tổ hợp sản xuất trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Nếu phải đầu tư dự án kinh tế tuần hoàn ở ngoài khu công nghiệp, khu kinh tế thì sẽ ảnh hưởng đến thời gian và chi phí thực hiện dự án (do phải giải phóng mặt bằng) và không được hưởng ưu đãi như dự án trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ chế thử nghiệm cho phép dự án KTTH được thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng các ưu đãi tương tự như các dự án trong khu theo quy định của pháp luật.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Cho phép dự án KTTH tham gia Cơ chế thử nghiệm có các cấu phần công nghiệp- năng lượng và dịch vụ với tổng tỷ trọng ít nhất 50% trong tổng doanh thu được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Giải pháp 2: Cho phép dự án KTTH tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Giải pháp 3: Không cho phép dự án KTTH tham gia Cơ chế thử nghiệm có cấu phần nông nghiệp được phép thực hiện trong khu công nghiệp, khu kinh tế và được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu kinh tế.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho các dự án KTTH chủ yếu dựa trên công nghiệp-năng lượng và dịch vụ được thực hiện và hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Theo đó, tác động kinh tế sẽ bao gồm tăng đầu tư vào KTTH, tạo việc làm và giá trị gia tăng trên nền tảng hạ tầng dùng chung của khu công nghiệp, khu kinh tế, và tác động sẽ được phát huy sớm hơn (do không phải chờ giải phóng mặt bằng ngoài khu). Tác động xã hội sẽ bao gồm cải thiện việc làm, năng suất và thu nhập cho người lao động. Tác động về giới có thể bao gồm việc tạo thêm việc làm và cơ hội cải thiện kỹ năng cho lao động nữ nếu có các cấu phần phù hợp về nông nghiệp trong dự án KTTH được thực hiện tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Giải pháp 2 có thể tạo điều kiện cho các dự án KTTH có cấu phần nông nghiệp được thực hiện và hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật trong khu công nghiệp, khu kinh tế. Tuy nhiên, giải pháp này không bảo đảm doanh nghiệp thiết kế dự án kinh tế tuần hoàn theo hướng tập trung hơn vào công nghiệp và dịch vụ (và theo đó là ứng dụng công nghệ, tạo giá trị gia tăng). Tác động xã hội có thể ảnh hưởng đến hiệu quả và môi trường hoạt động của khu công nghiệp, khu kinh tế. Tác động về giới có thể bao gồm việc tạo thêm việc làm, song cơ hội cải thiện kỹ năng có thể bị hạn chế, cho lao động nữ nếu dự án KTTH tập trung quá nhiều vào hoạt động nông nghiệp.

- Giải pháp 3 không giải quyết được vấn đề hiện nay, ảnh hưởng đến cơ hội thu hút các nhà đầu tư vào dự án KTTH ở khu công nghiệp, khu kinh tế.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***2. Chính sách 2: Chính sách khu công nghiệp, khu kinh tế - Chuyên gia nước ngoài thường trú, tạm trú trong khu***

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hoạt động của chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tại dự án kinh tế tuần hoàn trong khu công nghiệp, khu kinh tế có bị ảnh hưởng do các quy định, điều kiện về tạm trú, thường trú tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP không còn được giữ. Điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả chuyển giao công nghệ, kỹ năng của dự án KTTH.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo điều kiện cho chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn được tạm trú, thường trú trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Khôi phục quy định tại Nghị định 82/2018/NĐ-CP cho phép người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc, hoạt động đầu tư dự án kinh tế tuần hoàn tại khu công nghiệp, khu kinh tế và các thành viên gia đình của họ được tạm trú, thường trú trong khu công nghiệp, khu kinh tế và ở Việt Nam theo quy định pháp luật về cư trú và pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

- Giải pháp 2: Không điều chỉnh chính sách.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo thêm tác động tích cực đối với chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị và tổ chức sản xuất cho các dự án KTTH. Theo đó, các dự án KTTH có thể tiếp cận công nghệ tốt hơn, qua đó bảo đảm hiệu quả cao hơn cả về kinh tế, xã hội và môi trường (giảm phát thải). Kỹ năng lao động của người lao động Việt Nam, bao gồm cả lao động nữ, cũng có thể được cải thiện tích cực hơn, qua đó tăng năng suất và thu nhập cho họ.

- Giải pháp 2 không tháo gỡ được vấn đề chính sách và có thể ảnh hưởng đến việc tham gia hoặc hiệu quả của dự án KTTH tại khu công nghiệp, khu kinh tế.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***3. Chính sách 3: Phân loại xanh***

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh chưa được ban hành. Bên cạnh đó, dự thảo Quyết định cũng chưa tạo đủ độ mở cho các dự án KTTH để các tổ chức, nhà đầu tư mạnh dạn bỏ vốn. Bên cạnh đó là yêu cầu phải điều chỉnh trong tương lai khi hài hòa hóa phân loại xanh của Việt Nam với các nước trong khu vực (VD như ASEAN). Trong khi đó, việc chưa có quy định chính thức về phân loại xanh cũng ảnh hưởng đến việc các định chế tài chính tài trợ cho các dự án KTTH.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Đề ra khung chính sách đủ mở và đủ rõ ràng về phân loại xanh để phục vụ triển khai dự án KTTH.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Đề ra phạm vi của các dự án kinh tế tuần hoàn toàn phần và dự án kinh tế tuần hoàn bán phần, và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hướng dẫn cụ thể hơn về nội dung này.

- Giải pháp 2: Không thực hiện chính sách về phân loại xanh.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 sẽ tạo cơ sở vững chắc hơn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư vào các dự án KTTH, và các định chế tài chính có độ an toàn pháp lý cao hơn khi tài trợ cho các dự án KTTH. Giải pháp này không làm giảm hiệu quả của các quy định về bảo đảm hiệu quả, an toàn trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng. Theo đó, các dự án KTTH có thể được triển khai sớm hơn và/hoặc quy mô lớn hơn, qua đó tạo thêm tác động tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội, tạo lợi nhuận cho doanh nghiệp, nguồn thu cho định chế tài chính, và hiện thực hóa việc giảm phát thải ròng. Tác động về giới có thể là tăng cơ hội việc làm, năng suất và thu nhập cho lao động nữ.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định). Việc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, hướng dẫn nội dung này cũng phù hợp theo quy định tại tiết c, khoản 2 Điều 139 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

***4. Chính sách 4: Chính sách giới thiệu công nghệ, hỗ trợ 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ***

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có tư duy KTTH, song chưa có thông tin và/hoặc khả năng tiếp cận các công nghệ phù hợp và/hoặc các tư vấn liên quan. Điều này ảnh hưởng đến quyết tâm, tinh thần doanh nhân và việc hoạch định kế hoạch đầu tư-sản xuất-kinh doanh gắn với dự án KTTH.

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo động lực cho đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ trong các dự án KTTH.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương tư vấn giới thiệu công nghệ, hỗ trợ 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ.

- Giải pháp 2: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được nhà nước, chính quyền địa phương tư vấn giới thiệu công nghệ.

- Giải pháp 3: Không thực hiện hỗ trợ chính sách này.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận công nghệ một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tiếp cận chuyển giao công nghệ và kỹ năng, tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 đòi hỏi ít hơn về quy mô chi từ ngân sách nhà nước, song có thể không tạo được tác động đủ lớn để khuyến khích doanh nghiệp tiếp cận chuyển giao công nghệ và kỹ năng, qua đó hạn chế cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động.

- Giải pháp 3 không đòi hỏi ngân sách, song không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***5. Chính sách 5: Chính sách được nhà nước miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, ưu tiên thông quan hàng hóa.***

5.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có tư duy KTTH, song có thể gặp khó trong các quy trình nhập khẩu các công nghệ phù hợp. Điều này ảnh hưởng đến quyết tâm, tinh thần doanh nhân và việc hoạch định kế hoạch đầu tư-sản xuất-kinh doanh gắn với dự án KTTH.

5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo động lực cho đổi mới, tăng cường ứng dụng công nghệ trong các dự án KTTH.

5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm được miễn thuế nhập khẩu, chuyển giao trang thiết bị công nghệ phục vụ dự án tham gia cơ chế thử nghiệm, ưu tiên thông quan hàng hóa.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ chính sách này.

5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận công nghệ một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù ảnh hưởng trực tiếp đến thu ngân sách nhà nước từ nhập khẩu. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tiếp cận chuyển giao công nghệ và kỹ năng, tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) phần thu bị giảm do miễn thuế nhập khẩu. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 không ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước từ nhập khẩu, song không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***6. Chính sách 6: Chính sách giới thiệu công nghệ, hỗ trợ 50% chi phí chuyên gia tư vấn công nghệ***

6.1. Xác định vấn đề bất cập

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể có tư duy KTTH, song chưa có thông tin và/hoặc khả năng tiếp cận các giải pháp chuyển đổi số phù hợp. Điều này ảnh hưởng đến quyết tâm, tinh thần doanh nhân và việc hoạch định kế hoạch đầu tư-sản xuất-kinh doanh gắn với dự án KTTH.

6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo động lực cho đổi mới, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong các dự án KTTH.

6.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ chính sách này.

6.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận chuyển đổi số một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tiếp cận công nghệ số, tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 không đòi hỏi ngân sách, song không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

6.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***7. Chính sách 7: Chính sách tín dụng xanh***

7.1. Xác định vấn đề bất cập

Các quy định về tín dụng xanh còn thiếu. Bản thân các tổ chức tín dụng cũng ngần ngại trong việc cung ứng tín dụng xanh, do khung pháp lý chưa thật rõ ràng. Bên cạnh đó, chỉ tiêu tín dụng được phân bổ cho các ngân hàng theo từng năm, có thể ảnh hưởng đến việc các dự án KTTH phải cạnh tranh với các dự án vay đầu tư sản xuất kinh doanh thông thường khác, qua đó giảm khả năng tài trợ tín dụng cho các dự án KTTH.

7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ hội tiếp cận tín dụng xanh cho các dự án KTTH.

7.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp giấy chứng nhận đăng ký tham gia cơ chế thử nghiệm được tiếp cận, huy động, vay vốn ưu đãi, vay vốn không bảo lãnh chính phủ đối với các khoản tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, quỹ đầu tư phát triển tỉnh, các quỹ an sinh xã hội, quỹ môi trường, quỹ phát triển xanh, quỹ phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, định chế tài chính. Tín dụng cấp cho dự án kinh tế tuần hoàn xanh toàn phần không được tính trong chỉ tiêu tín dụng được Ngân hàng Nhà nước phân bổ cho các tổ chức tín dụng.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ này.

7.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể giúp mở rộng cơ hội tiếp cận tín dụng xanh cho các dự án KTTH. Theo đó, các dự án KTTH có nhiều cơ hội được tài trợ hơn (đặc biệt là các dự án KTTH xanh toàn phần). Tác động kinh tế kèm theo là lợi nhuận cho doanh nghiệp, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động (kể cả lao động nữ). Tác động môi trường bao gồm việc hiện thực hóa giải pháp giảm phát thải ròng. Bên cạnh đó, tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh chưa phải quá lớn (ước tính ở mức 500.000 tỷ đồng trong năm 2022[[1]](#footnote-1)), nên có thể cân đối được giữa phương thức điều hành theo chỉ tiêu tín dụng của Ngân hàng Nhà nước và tạo không gian cho các dự án kinh tế tuần hoàn.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

7.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***8. Chính sách 8: Chính sách trái phiếu xanh***

8.1. Xác định vấn đề bất cập

Các quy định về trái phiếu xanh còn thiếu. Bản thân các định chế tài chính cũng ngần ngại trong việc đầu tư vào trái phiếu xanh, do khung pháp lý chưa thật rõ ràng.

8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ hội tiếp cận nguồn vốn thông qua trái phiếu xanh cho các dự án KTTH.

8.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm được tiếp cận vốn thông qua trái phiếu xanh, song có đạt ra các giới hạn cụ thể và bảo đảm các quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu.

- Giải pháp 2: Không thực hiện chính sách trái phiếu xanh.

8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 có thể giúp mở rộng cơ hội tiếp cận trái phiếu xanh cho các dự án KTTH. Theo đó, các dự án KTTH có nhiều cơ hội được tài trợ hơn. Tác động kinh tế kèm theo là lợi nhuận cho doanh nghiệp, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động (kể cả lao động nữ). Tác động môi trường bao gồm việc hiện thực hóa giải pháp giảm phát thải ròng..

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***9. Chính sách 9: Chính sách hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm***

9.1. Xác định vấn đề bất cập

Doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể gặp vấn đề với cách quản trị, tổ chức sản xuất trong bối cảnh thử nghiệm chính sách và các thay đổi chính sách liên quan đến KTTH.

9.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp khi thực hiện dự án KTTH trong Cơ chế thử nghiệm, qua đó tăng cường hiệu quả kinh tế-xã hội-môi trường của các dự án KTTH.

9.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Nhà nước hỗ trợ tối đa 70% tổng chi phí cho một khóa quản trị doanh nghiệp cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ này.

9.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được quản trị, tổ chức thực hiện một cách bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

9.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***10. Chính sách 10: Chính sách hỗ trợ 50% chi phí đào tạo nghề, chi phí chuyển đổi nghề nghiệp nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm***

10.1. Xác định vấn đề bất cập

Doanh nghiệp, nhà đầu tư có thể gặp vấn đề với kỹ năng của người lao động do họ chưa quen với cách làm việc, tổ chức sản xuất trong mô hình KTTH. Việc đầu tư cho người lao động cũng có thể đặt ra rủi ro cho doanh nghiệp nếu không giữ chân được người lao động sau đào tạo.

10.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng kỹ năng cho người lao động phục vụ dự án KTTH.

10.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo nghề, chi phí chuyển đổi nghề nghiệp nhưng không vượt quá 03 (ba) tháng lương cơ sở cho mỗi người lao động tại khu vực triển khai dự án kinh tế tuần hoàn tham gia cơ chế thử nghiệm.

- Giải pháp 2: Không thực hiện hỗ trợ này.

10.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được thực hiện bài bản và hiệu quả hơn, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

10.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***11. Chính sách 11: Nhà nước, chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo, kết nối các đơn vị cung ứng lao động, trường nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định bảo đảm nguồn lao động đúng chất lượng, đủ số lượng yêu cầu cho thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn***

11.1. Xác định vấn đề bất cập

Doanh nghiệp có thể không tìm được lao động có đủ số lượng và kỹ năng cho thực hiện dự án KTTH.

11.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Giúp doanh nghiệp tiếp cận lao động có đủ số lượng và chất lượng để thực hiện dự án KTTH.

11.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Nhà nước, chính quyền địa phương thực hiện đảm bảo, kết nối các đơn vị cung ứng lao động, trường nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và các hoạt động hỗ trợ khác theo quy định bảo đảm nguồn lao động đúng chất lượng, đủ số lượng yêu cầu cho thực hiện dự án kinh tế tuần hoàn.

- Giải pháp 2: Không thực hiện giải pháp này.

11.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

- Giải pháp 1 không đòi hỏi chi phí từ ngân sách nhà nước, và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương. Hoạt động kết nối sẽ giúp tăng cơ hội làm việc, cải thiện kỹ năng, tăng năng suất và thu nhập cho người lao động. Việc đáp ứng yêu cầu về lao động cũng giúp dự án KTTH được triển khai sớm và hiệu quả hơn, qua đó hiện thực hóa mục tiêu giảm phát thải ròng.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

11.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

***12. Chính sách 12: Chính sách đất đai***

12.1. Xác định vấn đề bất cập

Quy định pháp luật hiện nay về đất đai chưa tạo điều kiện đủ thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào dự án KTTH, do tính chất hỗn hợp và liên ngành (chưa từng có tiền lệ trong các quy định) của các dự án KTTH, khả năng điều chỉnh cục bộ nhằm thích ứng với các mô hình tổ chức sản xuất mới theo hướng tuần hoàn, khả năng cung cấp mặt bằng sạch của địa phương,…

12.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Cải thiện tiếp cận đất đai cho các dự án KTTH.

12.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Giải pháp 1: Quy định cho phép sử dụng đất mục đích hỗn hợp, tích hợp đa năng bao gồm cả phần mái, mặt nước, hàng rào xung quanh bên trong ranh giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn tham gia Cơ chế thử nghiệm; điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất đối với phần đất trong ranh giới, chỉ giới quy hoạch dự án kinh tế tuần hoàn đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Chính quyền địa phương các tỉnh, thành phố ưu tiên sử dụng mặt bằng sạch có sẵn, chịu trách nhiệm giải phóng sạch mặt bằng trong trường hợp nhà đầu tư ứng tiền giải phòng mặt bằng khu đất tại địa phương có vị trí, địa hình, đặc điểm phù hợp với quy mô dự án kinh tế tuần hoàn được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm dự kiến để triển khai xây dựng dự án. Tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thu tiền sử dụng đất đối với phần đất dự kiến triển khai dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết cho Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm đã được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm để làm tài sản đảm bảo phát hành bảo lãnh ngân hàng khi phát hành trái phiếu xanh.

- Giải pháp 2: Không thực hiện chính sách hỗ trợ này.

12.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Giải pháp 1 có thể tạo điều kiện cho dự án KTTH được tiếp cận đất đai phù hợp, sớm, ít chi phí, dù đòi hỏi phải sử dụng chi từ ngân sách nhà nước. Theo đó, các dự án KTTH có thêm cơ hội tăng năng suất và kỹ năng lao động, tạo giá trị gia tăng lớn hơn. Đồng thời, các dự án KTTH có thể có hiệu quả tích cực hơn trong giảm phát thải, mở ra cơ hội bán tín chỉ các-bon cho doanh nghiệp. Phần thu nhập này có thể tạo điều kiện cho đóng góp về thuế hiệu quả hơn, qua đó bù đắp (ít nhất là một phần) chi phí từ ngân sách cho giải pháp. Tác động về giới có thể được thể hiện ở cơ hội làm việc và phát triển kỹ năng và tăng thu nhập cho lao động nữ trong mô hình KTTH.

- Giải pháp 2 không giúp giải quyết vấn đề đặt ra.

12.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị lựa chọn Giải pháp 1 (nội dung này sẽ được báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi trình Chính phủ ban hành Nghị định).

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 1703/BKHĐT-QLKTTW ngày 10 tháng 3 năm 2023 gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, các địa phương về đề cương Nghị định và đề cương Báo cáo đánh giá tác động chính sách. Bộ cũng đã đăng tải nội dung lấy ý kiến trên trang Thông tin điện tử của Bộ. Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được văn bản góp ý của 13 bộ, cơ quan ngang bộ,[[2]](#footnote-2), và 52 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương[[3]](#footnote-3). Bộ không nhận được ý kiến góp ý qua trang Thông tin điện tử. Các ý kiến đều thống nhất về cơ bản đối với cấu trúc đề cương Nghị định và đề cương Báo cáo đánh giá tác động chính sách.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu các ý kiến sau:

- Góp ý về việc rà soát, điều chỉnh Báo cáo Đánh giá tác động chính sách theo mẫu quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Góp ý về việc bổ sung lĩnh vực “công nghiệp” vào danh mục các lĩnh vực tham gia Cơ chế thử nghiệm.

- Góp ý về việc bỏ nội dung “Chính sách ưu đãi thuế”, do nội dung này có thể được tích hợp theo chính sách ưu đãi đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Góp ý về việc bổ sung nội dung “dừng tham gia thử nghiệm” vào dự thảo Nghị định.

- Góp ý về việc bổ sung phân công nhiệm vụ cho một số bộ, ngành và các Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Dự thảo Nghị định dành một Chương riêng về nội dung Giám sát và đánh giá quá trình thử nghiệm. Trong đó, Điều 21 quy định về chế độ báo cáo của Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm. Các nội dung giám sát và đánh giá cũng được lồng ghép vào trình tự xử lý đề xuất trong các trường hợp liên quan đến dừng thử nghiệm, gia hạn thử nghiệm và chứng nhận hoàn thành thử nghiệm.

Dự thảo Nghị định đề xuất giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện kiểm tra, quản lý và giám sát quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

**V. NỘI DUNG KHÁC**

***1. Dự kiến nguồn lực***

Kinh phí thực hiện Nghị định được đảm bảo từ các nguồn gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

***2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định***

Các điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị định bao gồm:

- Thống nhất về tư duy và nhận thức của các bộ, ngành, địa phương về mở rộng “khía cạnh kinh tế” trong mô hình KTTH, thông qua thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ, tăng năng suất và thu nhập của người lao động, tạo giá trị gia tăng.

- Các bộ, ngành, địa phương phối hợp hiệu quả trong tổ chức thực thi Cơ chế thử nghiệm, kịp thời chia sẻ thông tin, vướng mắc và kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền (nếu có).

- Hệ thống thông tin, số liệu về các lĩnh vực của cơ chế thử nghiệm (nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp; năng lượng; vật liệu xây dựng) được hoàn thiện theo hướng cụ thể hóa, tăng tần suất và độ tin cậy để bảo đảm theo dõi và đánh giá hiệu quả phát triển mô hình KTTH ở các ngành này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Các bộ, cơ quan ngang bộ;- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Lưu: VT, QLKTTW. | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Chí Dũng** |

1. https://tapchinganhang.gov.vn/tin-dung-xanh-tai-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-khuyen-nghi.htm [↑](#footnote-ref-1)
2. Gồm các Bộ: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Quốc phòng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc. [↑](#footnote-ref-2)
3. Gồm: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bắc Giang, Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Dương, Bình Định, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Cao Bằng, Đà Nẵng, Đăk Lăk, Đăk Nông, Điện Biên, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Hòa Bình, Thừa Thiên Huế, Hưng Yên, Kon Tum, Lai Châu, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Long An, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Sơn La, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tiền Giang, Trà Vinh, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Vĩnh Phúc. [↑](#footnote-ref-3)